

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 208/2024/HS-ST
Ngày: 11-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Phú

Ông Đặng Văn Miện

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Hoàng Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Duyên - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân thành phố Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 255/TLST-HS ngày 27/8/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 259/2024/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Văn H, sinh ngày 16 tháng 6 năm 1997 tại tỉnh Ninh Thuận; nơi cư trú: thôn L, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H1, sinh năm: 1972 và bà Trần Thị Ngọc Đ, sinh năm: 1974, nơi cư trú: thôn L, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; vợ con: chưa có; tiền án: tại Bản án số 17/2023/HS-ST ngày 11/05/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận xử phạt 6 tháng tù treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”; tiền sự: không; Đảng phái: không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 24/6/2024, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đ. Có mặt.

- Bị hại: Ông Phạm Ngọc H2, sinh năm 1985, nơi cư trú: số 29 bis đường C, Phường A, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Thái S, sinh năm: 1989, nơi cư trú: số H đường Đ, Phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

2. Bà Trần Thị Ngọc D, sinh năm: 1981, nơi cư trú: thôn L, xã L, huyện N,

tỉnh Ninh Thuận. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để có tiền tiêu sài, Lê Văn H nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Thực hiện ý định, vào khoảng 18 giờ ngày 03/6/2024, H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen, biển kiểm soát 85F1-022.46 từ nhà trọ tại số A đường M, Phường I, thành phố Đ đến sân bóng đá Công ty X tại số B đường Y, Phường A, thành phố Đ. H đi vào khu vực thay quần áo trên sân bóng đá thấy có một chiếc ba lô màu đen để trên ghế không khóa. Quan sát xung quanh thấy không có người trông coi nên H đến lục ba lô lấy 01 điện thoại di động hiệu Iphone, màu đen bỏ vào túi quần rồi ra lấy xe điều khiển về hướng đường N. Khi đến ngã ba đường N - Y, H dừng xe lấy điện thoại mới trộm được tháo sim và ốp vít bên lề đường rồi đến cửa hàng H3 tại số A đường N, Phường B, thành phố Đ bán với giá 2.700.000đ, số tiền này H đã tiêu sài hết. Đến khoảng 16 giờ ngày 13/6/2024, tại cơ quan Công an H đã khai báo toàn bộ hành vi trộm cắp của mình.

Tại Kết luận định giá tài sản số 115/KL-ĐG ngày 18/6/2024 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Đ kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax, màu đen, dung lượng 256GB, đã qua sử dụng có giá trị 21.000.000đ.

Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại di động Iphone 14 promax, màu đen, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động Iphone 6, màu vàng, đã qua sử dụng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen, BKS 85F1-022.46.

Bị hại ông Phạm Ngọc H2 xác định bị chiếm đoạt 01 điện thoại di động Iphone 14 Promax, màu đen. Ông đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không có yêu cầu gì đối với bị cáo.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Thái S trình bày ông là chủ cửa hàng điện thoại di động Hoàng Sơn M. Khi mua điện thoại từ H, ông không biết tài sản do H phạm tội mà có. Ông S yêu cầu H bồi thường số tiền 2.700.000đ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Ngọc D trình bày bà là chủ sở hữu xe mô tô hiệu Honda Wave biển số 85F1-022.46 và là cô ruột của H nên có cho H mượn xe mô tô trên từ năm 2021 đến nay. Bà không biết H dùng xe này để làm phương tiện phạm tội. Bà xin nhận lại xe mô tô trên.

Tại Cáo trạng số 263/CT-VKSĐL-LĐ ngày 26/8/2024 của Viện kiểm sát

nhân dân thành phố Đà Lạt truy tố bị cáo Lê Văn H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

Bị cáo khai nhận ngày 03/6/2024, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của bị hại để thực hiện trộm cắp tài sản là điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax, màu đen của ông Phạm Ngọc H2, giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 21.000.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt giữ nguyên cáo trạng truy tố bị cáo Lê Văn H về tội “*Trộm cắp tài sản*” và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt: áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn H: từ 18 (mười tám) tháng đến 24 (hai bốn) tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo H bồi thường cho ông Trần Thái S số tiền 2.700.000đ.

- Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: hoàn trả cho bị cáo 01 điện thoại di động Iphone 6, màu vàng, đã qua sử dụng; trả cho bà Trần Thị Ngọc D 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen, BKS 85F1-022.46.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản xác định hiện trường, biên bản tạm giữ tang vật, vật chứng và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở kết luận: bị cáo là thanh niên có sức khỏe, muốn có tiền tiêu xài nhưng lười lao động, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của chủ sở hữu, ngày 03/6/2024, bị cáo đã lén lút trộm cắp điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax có giá trị 21.000.000đ của ông Phạm Ngọc H2. Rõ ràng, bị cáo thể hiện sự táo

bạo, xem thường pháp luật, hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của chủ sở hữu được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận kết án nhưng chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội là tái phạm thuộc trường hợp tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy cần có mức án nghiêm minh, tương xứng, phù hợp với hành vi bị cáo gây ra, nhất thiết cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian, như vậy mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

[4] Về hình phạt bổ sung: đối với loại tội phạm này, ngoài hình phạt chính, pháp luật còn quy định hình phạt bổ sung nhưng do bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, việc làm không ổn định nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phù hợp.

[5] Đối với hành vi của ông S là người mua tài sản do bị cáo trộm cắp. Tuy nhiên, khi ông S không biết đây là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với ông S là có căn cứ.

Đối với bà D là người cho bị cáo mượn xe mô tô nhưng bà D không biết bị cáo dùng xe này để làm phương tiện phạm tội nên không xem xét xử lý đối với bà D.

[6] Xử lý vật chứng: 01 điện thoại di động Iphone 14 Promax là tài sản của bị hại, cơ quan Công an điều tra đã hoàn trả cho bị hại; 01 xe mô tô biển số 85F1-022.46 nhãn hiệu Honda Wave màu đen, đây là tài sản của bà D nên hoàn trả cho bà D; 01 điện thoại di động Iphone 6, màu vàng, số imel 359239069829274 là tài sản của bị cáo nên hoàn trả cho bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: ông Trần Thái S là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 2.700.000đ. Bị cáo đồng ý bồi thường cho ông S. Do đó, buộc bị cáo bồi thường cho ông S số tiền 2.700.000đ

[8] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn H 24 (hai bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/6/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Lê Văn H phải bồi thường cho ông Trần Thái S số tiền 2.700.000đ (hai triệu bảy trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự .

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 41, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự

Hoàn trả: 01 xe mô tô biển số 85F1-022.46 nhãn hiệu Honda Wave màu đen cho bà Trần Thị Ngọc D; 01 điện thoại di động Iphone 6, màu vàng, số imel 359239069829274 cho bị cáo Lê Văn H. (*Theo biên bản giao, nhận tang vật ngày 27/8/2024 giữa Công an thành phố Đ và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt*).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Văn H phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo được quyền kháng cáo

lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tp Đà Lạt;
- Chi cục THADS tp. Đà Lạt;
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- Công an tp. Đà Lạt;
- Bị cáo;
- Bị hại, người có QLNVLQ;
- Lưu AV - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thanh Thủy